Public Disclosure Authorized

107438

[Country-Vietnam]
[Project Name-HCMC Livestock Competitiveness and Food safety Project Additional Financing]

PROCUREMENT PLAN - GOODS AND WORKS for 2016 - Ho Chi Minh City PPMU
KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU - XÂY LẮP VÀ HÀNG HÓA NĂM 2016

Item №	Cost Table Codes	Component Reference as per PAD	Contract Ref. №	Contract Description	Plan vs Actual	Estimated Cost (VND equivalent)	Estimated Cost (US$ equivalent)	Procu. Method	WB Review (Prior/ Post)	Type of Contract	Date of Draft BD to WB	Date of Invitation to Bids	Date of Bid Opening	Bid Evaluation Report	Date of Contract Signing	Date of Contract Completion	Remarks
GOODS/HÀNG HÓA																	
1	A1-HCMC	A1	HCM-LIFSAP-AF-01-HH-2016	Hàng hóa và thiết bị phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh (bình phun, quần áo bảo hộ, bộ bảo hộ bằng ni lon (PPEs), hóa chất, thuốc sát trùng....) cải thiện hình thức cung cấp dịch vụ khuyến nông (gói 1)	Plan/ Kế hoạch	2,200,000,000	100,000	NCB	Post/Sau	Lump-sum /Trọn gói	NA	15/9/2016	17/10/2016	NA	28/10/2016	28/12/2016	
				Goods and equipment for disease prevention (sprayers,PPEs, chemicals, disinfectants, etc.) to improve the supply of livestock extension services (package 1)	Actual/ Thực tế												
2	A1-HCMC	A1	HCM-LIFSAP-AF-02-HH-2016	Hàng hóa thiết bị tăng cường chất lượng giống vật nuôi (01 mô hình)	Plan/ Kế hoạch	2,200,000,000	100,000	NCB	Post/Sau	Lump-sum /Trọn gói	30/6/2016	11/7/2016	11/8/2016	26/8/2016	26/9/2016	28/11/2016	
				Goods and equipment for improvement of animal breed quality (01 model)	Actual/ Thực tế												
3	A1-HCMC	A1	HCM-LIFSAP-AF-03-HH-2016	Chiến dịch truyền thông xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm giai đoạn 2016 - 2018	Plan/ Kế hoạch	6,600,000,000	300,000	NCB	Post/Sau	Lump-sum /Trọn gói	NA	18/7/2016	18/8/2016	NA	16/9/2016	17/9/2018	
				Communication campaign for brand name building and promotion for 2016-2018 period	Actual/ Thực tế												
4	A3-HCMC	A3	HCM-LIFSAP-AF-04-HH-2016	Thiết bị phục vụ cho điểm kinh doanh: pha lóc, đóng gói và tiêu thụ sản phẩm thịt VietGAP	Plan/ Kế hoạch	449,900,000	20,450	SH	Post/Sau	Lump-sum /Trọn gói	NA	10/6/2016	21/6/2016	NA	20/7/2016	20/8/2016	
				Goods and equipment for cutting, packaging, and marketing at VietGAP meat selling point	Actual/ Thực tế												
5	A3-HCMC	A3	HCM-LIFSAP-AF-05-HH-2016	Thiết bị phân tích các chất tăng trưởng và kiểm dịch thịt cho chợ và cơ sở giết mổ	Plan/ Kế hoạch	1,750,100,000	79,550	SH	Post/Sau	Lump-sum /Trọn gói	08/7/2016	18/7/2016	28/7/2016	08/8/2016	18/8/2016	19/9/2016	
				Goods and Equipment for analysis of growth-promoting drugs and meat inspection at wet markets and slaughterhouses	Actual/ Thực tế												
6	A3-HCMC	A3	HCM-LIFSAP-AF-06-HH-2016	Hàng hoá trang bị thí điểm cho nâng cấp khu bán thực phẩm tươi sống chợ đầu mối Bình Điền, quận 8	Plan/ Kế hoạch	22,750,200,000	1,034,100	NCB	Prior/Trước	Lump-sum /Trọn gói	23/9/2016	03/10/2016	03/11/2016	14/11/2016	25/11/2016	27/3/2017	
				Goods and equipment for upgrading Binh Dien Wholesale wet market in District 8, Ho Chi Minh City	Actual/ Thực tế												

Public Disclosure Authorized

Item №	Cost Table Codes	Component Reference as per PAD	Contract Ref. №	Contract Description	Plan vs Actual	Estimated Cost (VND equivalent)	Estimated Cost (US$ equivalent)	Procu. Method	WB Review (Prior/ Post)	Type of Contract	Date of Draft BD to WB	Date of Invitation to Bids	Date of Bid Opening	Bid Evaluation Report	Date of Contract Signing	Date of Contract Completion	Remarks
WORKS/XÂY LẮP																	
1	A3-HCMC	A3	HCM-LIFSAP-AF-01-XL-2016	Nâng cấp khu bán thực phẩm tươi sống và bảo hiểm chợ Bình Tiên và chợ Hồ Trọng Quý, quận 6	Plan/ Kế hoạch	3,688,300,000	167,650	SH	Post/Sau	Lump-sum /Trọn gói	NA	15/6/2016	27/6/2016	NA	29/7/2016	29/11/2016	
				Upgrading Binh tien and Ho Trong Quy wet markets in District 6, Ho Chi Minh City	Actual/ Thực tế												
2	A3-HCMC	A3	HCM-LIFSAP-AF-02-XL-2016	Nâng cấp khu bán thực phẩm tươi sống và bảo hiểm chợ lô 6, huyện Củ Chi	Plan/ Kế hoạch	2,500,300,000	113,650	SH	Post/Sau	Lump-sum /Trọn gói	NA	15/6/2016	27/6/2016	NA	29/7/2016	14/12/2016	
				Upgrading Lot 6 wet market in Cu Chi District	Actual/ Thực tế												
3	A3-HCMC	A3	HCM-LIFSAP-AF-03-XL-2016	Nâng cấp khu bán thực phẩm tươi sống và bảo hiểm chợ Hiệp Tân, Tân Phú 2 và Tân Hương, quận Tân Phú.	Plan/ Kế hoạch	5,710,100,000	259,550	NCB	Prior/Trước	Fixed unit price/ Đơn giá cố định	10/6/2016	27/6/2016	27/7/2016	23/8/2016	15/9/2016	15/1/2017	
				Upgrading Hiep Tan, Tan Phu 2, and Tan Huong wet markets in Tan Phu District	Actual/ Thực tế												
4	A3-HCMC	A3	HCM-LIFSAP-AF-04-XL-2016	Nâng cấp khu bán thực phẩm tươi sống và bảo hiểm chợ Nguyễn Đình Chiểu, quận Phú Nhuận.	Plan/ Kế hoạch	1,500,180,000	68,190	SH	Post/Sau	Lump-sum /Trọn gói	NA	15/7/2016	26/7/2016	NA	26/8/2016	26/11/2016	
				Upgrading Nguyen Dinh Chieu wet market in Phu Nhuan District	Actual/ Thực tế												
5	A3-HCMC	A3	HCM-LIFSAP-AF-05-XL-2016	Nâng cấp chợ đầu mối Bình Điền, đại lộ Nguyễn Văn Linh, khu số 8, phường 7, Quận 8, Hồ Chí Minh	Plan/ Kế hoạch	18,200,160,000	827,280	NCB	Prior/Trước	Fixed unit price/ Đơn giá cố định	31/10/2016	14/11/2016	15/12/2016	10/1/2017	6/2/2017	6/7/2017	
				Upgrading Binh Dien wholesale wet market in Nguyen Van Linh Avenue, Block 8, Ward 7, District 8, Ho Chi Minh City	Actual/ Thực tế												

[Country-Vietnam]
[Project Name-HCMC Livestock Competitiveness and Food safety Project Additional Financing]

PROCUREMENT PLAN - CONSULTANT SELECTION (CQS & IC) FOR 2016 - Ho Chi Minh City PPMU
KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU - TƯ VẤN (CQS&IC) NĂM 2016

Item №	Cost Table Codes	Component Reference as per PAD	Contract Ref.	Contract Description	Plan vs Actual	Estimated Cost (VND equivalent)	Estimated Cost (US$ equivalent)	Firm or Ind.	Select. Method	WB Review (Prior/ Post)	Type of Contract	Request for Exp. Of Interest	Evaluation report for Short list & RFP	RFP Issued (for CQS)	Proposal Submission	Draft Final Contract	Date of Contract Signing	Date of Contract Completion	Remarks
1	A1-HCMC	A1	HCM-LIFSAP-AF-01-TV-2016	Tư vấn kỹ thuật cho các nhóm về phát triển GAHP	Plan/ Kế hoạch	633,600,000	28,800	Tư vấn cá nhân/Ind.	IC	Sau/Post	Theo thời gian /Time-based	03/6/2016	20/6/2016	NA	NA	20/6/2016	01/7/2016	02/7/2018	
				Technical Consultant on support for groups in GAHP development	Actual/ Thực tế														
2	A1-HCMC	A1	HCM-LIFSAP-AF-02-TV-2016	Tư vấn trong nước tăng cường hệ thống quản lý kinh doanh cho các Tổ hợp tác/hợp tác xã	Plan/ Kế hoạch	633,600,000	28,800	Tư vấn cá nhân/Ind.	IC	Sau/Post	Theo thời gian /Time-based	16/5/2016	02/6/2016	NA	NA	02/6/2016	07/6/2016	07/6/2018	
				National Consultant on strengthening business management systems of colaborative groups/cooperatives	Actual/ Thực tế														